

Bản án số: 160/2023/DS-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v tranh chấp “*hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

2. Ông Đặng Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 523/2023/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S); địa chỉ trụ sở chính: số 266-268 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường S, Quận Y, thành phố H. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Minh S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh An Giang;

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1968 – Chức vụ: CV.QLN – Phòng kiểm soát rủi ro Chi nhánh A, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S), (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Mai Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q trình bày: Ngày 04/11/2018, Ông T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.979.501 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.671.500 đồng. Đến ngày 22/12/2021, ông T không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Thanh T phải trả Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/4/2023 là 17.851.516 đồng (Mười bảy triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười sáu đồng), dư nợ gốc 12.481.041 đồng, lãi 5.370.475 đồng; Ông Mai Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản tự khai; Tóm tắt sao kê ngày 19/4/2023 (photo); Quyết định ủy quyền ngày 24/4/2023 (bản chính); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/11/2018 (photo); Giấy chứng minh nhân dân Mai Thanh T (photo); Sổ hộ khẩu Mai Thanh H (photo); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 (bản sao); Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm nhân sự số 2206/2020/QĐ-NS ngày 04/5/2020 (bản sao);

Bị đơn Mai Thanh T vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Theo biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập được Đại diện ấp L, xã B, huyện C cung cấp thông tin, ông Mai Thanh T vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Mai Thanh T có nghĩa vụ

trả cho Ngân hàng Sacombank gồm vốn và lãi tính đến ngày 31/8/2023: vốn gốc 12.481.041 đồng, lãi 7.560.850 đồng. Tổng cộng 20.041.891 đồng; Ngoài ra, yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 31/8/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông T thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Mai Thanh T vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Ngày 04/11/2018, giữa Ngân hàng S với ông Mai Thanh T có ký Hợp đồng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hợp đồng được xác lập căn cứ thu nhập của ông T; Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.979.501 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ và thực hiện giao dịch, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.671.500 đồng. Đến ngày 22/12/2021, Ông T không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tuấn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đánh giá Hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, khi vay có lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của ông T, việc ông T không trả tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ; Ngoài ra, yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 31/8/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Tuấn thanh toán xong nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 49 Nghị định 21/CP của Chính phủ, đề xuất:

Công nhận hợp đồng mở thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Mai Thanh T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) với ông Mai Thanh T.

Buộc ông Mai Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/8/2023, cụ thể: 31/8/2023: vốn gốc 12.481.041 đồng, lãi 7.560.850 đồng. Tổng cộng 20.041.891 đồng;

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Tuấn thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp “*hợp đồng tín dụng*”.

[2] *Về thẩm quyền:* bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* bị đơn vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:* Ngày 04/11/2018, giữa Ngân hàng S với ông Mai Thanh T có ký Hợp đồng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hợp đồng được xác lập căn cứ thu nhập của ông T; Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.979.501 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ và thực hiện giao dịch, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.671.500 đồng. Đến ngày 22/12/2021, ông T không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm

việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đánh giá Hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, khi vay có lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của ông T, việc ông T không trả tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ; Ngoài ra, yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 31/8/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông T thanh toán xong nợ là có căn cứ.

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, khi vay có lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của ông T, việc ông T không trả tiền vốn và lãi suất từng kỳ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, việc Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 31/8/2023, cụ thể: 31/8/2023: vốn gốc 12.481.041 đồng, lãi 7.560.850 đồng. Tổng cộng 20.041.891 đồng là phù hợp quy định pháp luật về giao dịch dân sự, có căn cứ chấp nhận.

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Tuấn thanh toán dứt nợ.

[5] Về khoản tiền lãi phát sinh: do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng S yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 31/8/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền còn nợ cho đến khi ông T thanh toán xong nợ là phù hợp.

[6] Về án phí: *Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 446.000 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) theo biên lai thu số 0013618 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Mai Thanh T phải chịu án phí theo quy định là 5% số tiền 20.041.891 đồng, tương ứng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[7] *Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015; Căn cứ các 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 49 Nghị định 21/CP của Chính phủ; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Mai Thanh T.

Buộc ông Mai Thanh T có nghĩa vụ trả cho của Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/8/2023 số tiền 20.041.891 đồng (hai mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày 01/9/2023 trở đi, ông Mai Thanh T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận đã ký kết giữa Ngân hàng Sacombank với ông Mai Thanh T tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông T trả dứt nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 446.000 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) theo biên lai thu số 0013618 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Mai Thanh T phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn Mai Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong